

KẾ HOẠCH
Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lâm Đồng năm 2022

Căn cứ Nghị quyết số 205/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng, về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế xã hội năm 2022.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của ngành năm 2022, như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Dự báo tình hình thế giới, trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, đại dịch Covid-19 có thể phức tạp, nguy hiểm hơn với sự xuất hiện của biến chủng mới Omicron; tiếp tục gây ra các tác động đến kinh tế thế giới và trong nước ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và tiêu thụ nông sản; yêu cầu toàn ngành phải chủ động, linh hoạt hơn trong tổ chức sản xuất, định hướng thị trường để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững.

Khoa học kỹ thuật, nhất là công nghệ sinh học tiếp tục phát triển mạnh mẽ cùng với cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đem lại nhiều thay đổi trong sản xuất, kinh doanh NLTS; tác động mạnh mẽ đến xu hướng và tâm lý tiêu dùng lương thực, thực phẩm, người tiêu dùng ngày càng quan tâm hơn đến thực phẩm sạch, an toàn và trở thành “Người tiêu dùng xanh”.

Hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng sâu rộng, đặc biệt là với việc thực hiện các FTAs tạo cơ hội, triển vọng lớn cho nông sản Việt Nam; nhưng cũng đòi hỏi nông sản trong nước phải chịu sự cạnh tranh lớn, yêu cầu phải tuân thủ tiêu chuẩn các nước đặt ra trong cả ba lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường.

Những thách thức từ Covid-19, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, biến đổi khí hậu tiếp tục những vấn đề cần có những ứng phó kịp thời, vừa có chiến lược lâu dài để phát triển sản xuất, hạn chế tối đa thiệt hại.

II. MỤC TIÊU NĂM 2022

Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI với hàng loạt các định hướng, Nghị quyết phát triển cụ thể được Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành và chỉ đạo triển khai tại từng địa phương trong tỉnh.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ đề ra, toàn ngành xác định các chỉ tiêu cơ bản năm 2022 là:

(1) Phân đầu tốc độ tăng GRDP toàn ngành đạt 4,9-5,3%; Tăng giá trị sản xuất ngành trồng trọt từ 4-4,5%, chăn nuôi 6-7%; ngành lâm nghiệp 1-2% và thủy sản từ 7-8%. Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp: trồng trọt 79%, chăn nuôi 18%, dịch vụ 3%.

(2) Duy trì diện tích canh tác khoảng 300.000 ha, diện tích gieo trồng đạt 392.000 ha; giá trị thu hoạch bình quân đạt trên 206 triệu đồng/năm/ha canh tác.

Diện tích nông nghiệp công nghệ cao toàn tỉnh phân đầu đạt trên 64.800 ha, chiếm 21,6% diện tích canh tác tăng 1.700 ha so với năm 2021, trong đó, diện tích nông nghiệp thông minh đạt 450 ha.

(3) Tiếp tục chuyển đổi 10.405 ha cây trồng kém hiệu quả, đưa diện tích canh tác có giá trị sản xuất dưới 50 triệu đồng/ha còn khoảng 45.220, tương ứng 15% diện tích canh tác.

(4) Phát triển thêm 20 chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; nâng tổng số chuỗi toàn tỉnh đạt 202 chuỗi với trên 20.000 hộ tham gia, tăng 8-9% so với năm 2021, tổng sản lượng tiêu thụ thông qua chuỗi đạt trên 600.000 tấn.

(5) Thành lập mới 20 hợp tác xã, 10 THT; xếp loại hợp tác xã có trên có trên 45% hợp tác xã hoạt động xếp loại khá, tốt.

(6) Phân đầu trong năm 2022 phát triển thêm ít nhất 24 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh, trong đó 02 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP Quốc gia.

(7) Tỷ lệ diện tích canh tác được tưới đạt 67%, trong đó diện tích canh tác được tưới từ công trình thủy lợi đạt 47.500 ha; diện tích tưới tiên tiến tiết kiệm nước đạt 46.000 ha.

(8) Số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp, diện tích rừng, khối lượng lâm sản thiệt hại giảm 25-30% so với năm 2021; Số vụ không phát hiện đối tượng vi phạm giảm dưới 30%.

Giải tỏa và trồng lại rừng trên toàn bộ diện tích lấn chiếm mới trong năm; Trồng thêm được 9,6 triệu cây xanh. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 55%.

(9) Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 92%, nước sạch 37,5% (tương ứng tăng thêm khoảng 3.000 hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, tăng 10.000 hộ dân được sử dụng nước sạch).

(10) Có thêm 02 xã đạt 19/19 tiêu chí về nông thôn mới, 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (huyện Lạc Dương) và 8 xã nông thôn mới nâng cao, 4 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

1. Thực hiện đẩy mạnh cơ cấu lại ngành, nâng cao năng suất chất lượng nông sản và hiệu quả sản xuất kinh doanh

Thực hiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh, tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ hiệu quả người dân và doanh nghiệp. Tận dụng cơ hội để thúc đẩy phục hồi và phát triển ngành, duy trì các động lực tăng trưởng trong dài hạn. Tập trung triển khai các giải pháp cơ cấu lại ngành; chuyển nhanh tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp; thúc đẩy sản xuất, lưu thông, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản, tránh đứt gãy chuỗi sản xuất gắn với đảm bảo an toàn phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp với trạng thái bình thường mới và điều kiện thời tiết, dịch bệnh.

1.1. Trồng trọt

Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển trồng trọt theo hướng phát triển sản xuất quy mô lớn, ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ đặc biệt là công nghệ sinh học, công nghệ số, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ. Tiếp tục cơ cấu lại các sản phẩm theo hướng ưu tiên các sản phẩm chủ lực có giá trị kinh tế cao gắn với công nghiệp sơ chế chế biến và phát triển các chuỗi giá trị; hướng đến xuất khẩu. Lựa chọn 1-2 sản phẩm để hỗ trợ thực hiện các yêu cầu về chất lượng, quy trình và kết nối để xuất khẩu; ưu tiên thị trường Nhật Bản, Châu Âu.

Từng bước định hướng, tổ chức lại hệ thống nhà kính nhà lưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt tại khu vực nội ô thành phố Đà Lạt thông qua triển khai Đề án tăng cường công tác quản lý, kiểm soát nhà kính trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Tiếp tục thực hiện chuyển đổi cơ cấu, chất lượng giống cây trồng; đẩy mạnh chuyển giao khoa học công nghệ để cải thiện trình độ canh tác tại các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, cụ thể:

- Phân đầu diện tích sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đạt trên 64.800 ha, diện tích ứng dụng công nghệ thông minh đạt trên 450 ha; công nhận thêm ít nhất 02 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Thực hiện chuyển đổi 10.405 ha sản xuất kém hiệu quả bằng các giống cây trồng mới cho năng suất cao, chất lượng tốt, có giá trị kinh tế cao; gồm: Chuyển đổi cây trồng trên đất trồng lúa 1.965 ha; chuyển đổi cây trồng trên đất trồng điều 1.080 ha; chuyển đổi giống cây trồng khác 1.027 ha; tái canh, ghép cải tạo cà phê 6.333 ha.

- Xây dựng các kịch bản tổ chức điều tiết sản xuất để kịp thời triển khai thực hiện theo các tình huống dự báo của dịch Covid-19.

- Triển khai kế hoạch phát triển cây ăn quả trái vụ thích ứng với biến đổi khí hậu và điều chỉnh nhu cầu thị trường.

- Tăng cường dự báo và phòng trừ kịp thời không để sâu bệnh phát sinh thành dịch gây hại trên diện rộng.

- Tập trung chỉ đạo, định hướng phát triển các cây trồng chủ lực, như sau:

+ Cây lương thực: tiếp tục rà soát, chuyển đổi khoảng 1.965 ha sản xuất lúa sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn (rau, hoa, dâu tằm,...); Chuyển đổi, phát triển các diện tích ngô sinh khối phục vụ chăn nuôi. Duy trì, nâng cao hiệu quả sản xuất các diện tích sản lúa chuyên canh, đặc sản tại khu vực các huyện Cát Tiên, Đạ Teh.

- Cây rau, hoa: tiếp tục mở rộng diện tích sản xuất rau, hoa tại các địa phương, khu vực phù hợp, tập trung các đối tượng sản phẩm có giá trị cao và các sản phẩm đặc thù, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm hoa chậu, hoa trang trí bên cạnh các sản phẩm hoa cắt cành truyền thống. Thúc đẩy sử dụng giống bản quyền để phục vụ nhu cầu đổi mới, đa dạng hóa các sản phẩm theo nhu cầu thị trường. Thực hiện chuyển đổi linh hoạt, phù hợp giữa diện tích sản xuất các loại rau và hoa ngắn ngày theo thực tế thị trường. Phần đầu tổng diện tích rau đạt trên 74.000 ha, sản lượng 2,7 triệu tấn; hoa 9.180 ha sản lượng 3,47 tỷ cành.

- Cây cà phê: Rà soát, giảm khoảng 3.000 ha cà phê ở các vùng khó khăn về nước tưới, các khu vực quy hoạch đất lâm nghiệp. Tuyên truyền hướng dẫn người dân tiếp tục thực hiện tái canh cải tạo khoảng 6.300 ha cà phê già cỗi, năng suất thấp; áp dụng các quy trình sản xuất bền vững, hiệu quả. Triển khai các giải pháp phục hồi và mở rộng các diện tích sản xuất cà phê chè; nhân rộng các mô hình sản xuất cà phê cảnh quan bền vững. Phần đầu năng suất cà phê niên vụ 2021-2022 đạt 32,5-33 tạ/ha.

- Cây chè: duy trì ổn định diện tích chè khoảng 11.300 ha, tiếp tục chuyển đổi cơ cấu, chất lượng giống và áp dụng công nghệ cao trong sản xuất để tăng năng suất chè bình quân toàn tỉnh lên 148 tạ/ha, khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện sản xuất theo quy trình hữu cơ.

- Cây ăn quả: tiếp tục phát triển các chủng loại cây ăn quả chất lượng cao thông qua trồng xen tại các vườn cây công nghiệp và trồng thử nghiệm một số giống ăn quả mới, giống trái vụ để cải tạo vườn tạp, nhân rộng trong sản xuất; Áp dụng các biện pháp canh tác tổng hợp theo hướng hữu cơ để nâng cao chất lượng giá trị sản phẩm; Tổ chức lại sản xuất theo hướng hình thành hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết theo chuỗi và chú trọng khâu xử lý sau thu hoạch để tạo lượng sản phẩm đồng nhất về chất lượng tiếp tục triển khai việc cấp mã số vùng trồng để đẩy mạnh xuất khẩu. Tổng diện tích cây ăn quả toàn tỉnh trong năm 2022 đạt khoảng 29.990 ha, tăng khoảng 640 ha so năm 2020, sản lượng đạt trên 277 ngàn tấn.

- Cây dâu tằm: Duy trì và nâng cao năng suất các diện tích sản xuất dâu hiện có thông qua cải tạo giống, ứng dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật và phát triển thêm khoảng 700 ha từ chuyển đổi các diện tích cây trồng kém hiệu quả. Phát triển các giống dâu mới, dâu lai (chiếm khoảng 80% tổng diện tích). Diện tích toàn tỉnh khoảng 10.250 ha, năng suất bình quân đạt 266 tạ/ha.

- Cây được liệu: Triển khai thực hiện Đề án Phát triển được liệu gắn với chế biến và tiêu thụ; phân đầu diện tích gieo trồng trên đất nông nghiệp đạt trên 477 ha, sản lượng đạt 12.500 tấn và hướng dẫn một số đơn vị chủ rừng triển khai thí điểm mô hình trồng được liệu.

(Kế hoạch diện tích, sản lượng từng loại cây trồng theo phụ lục đính kèm)

1.2. Chăn nuôi, thủy sản

- Phân đầu tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi đạt trên 5,5-6% để tiếp tục duy trì tỷ trọng ngành chăn nuôi đạt 18% trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp.

- Phân đầu đàn bò sữa đạt khoảng 26.390 con, sản lượng sữa đạt 106 ngàn tấn; đàn bò thịt đạt 78.930 con trong đó tỷ lệ bò lai Zê bu 77%, bò lai cao sản 27%, sản lượng đạt 6.400 tấn; đàn heo đạt 454.600 con, sản lượng 94.200 tấn; gia cầm 10,8 triệu con, sản lượng 18.700 tấn; sản lượng kén tằm đạt 13.500 tấn. Diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 2.400 ha, sản lượng 8.900 tấn.

(Kế hoạch phát triển đàn vật nuôi theo phụ lục đính kèm)

- Chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng trang trại chăn nuôi quy mô lớn; khuyến khích phát triển chăn nuôi theo quy mô công nghiệp, chăn nuôi khép kín, chăn nuôi hữu cơ và ứng dụng công nghệ cao; Thực hiện di dời ít nhất 15% số cơ sở chăn nuôi tại các vùng không được phép chăn nuôi.

- Duy trì chăn nuôi nông hộ, chăn nuôi truyền thống theo hướng an toàn sinh học, hạn chế ô nhiễm môi trường tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

- Chuyển đổi giống vật nuôi theo hướng tăng năng suất, chất lượng cao; thu hút doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi, nhà máy chế biến sữa; liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn, đến chế biến để nâng cao năng suất, giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả và tăng khả năng cạnh tranh với sản phẩm nhập ngoại.

- Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh tiến tới kiểm soát được tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm và từng bước khống chế, thanh toán một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn vật nuôi. Triển khai hiệu quả công tác tiêm phòng với tỷ lệ đạt trên 80% diện tiêm và từng bước xã hội hóa công tác phòng chống dịch.

1.3. Lĩnh vực lâm nghiệp

Bảo vệ và phát triển bền vững đối với 100% diện tích rừng hiện có; huy động nguồn lực của toàn xã hội tham gia vào công tác quản lý bảo vệ rừng; ngăn chặn và kịp thời xử lý các vụ phá rừng, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp; không để tình trạng phá rừng trở thành điểm nóng, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương.

Tập trung thực hiện có hiệu quả đề án Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất lâm nghiệp, khôi phục và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm

2030; Dự án trồng 50 triệu cây xanh giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện rà soát và chuẩn bị các điều kiện để tiến hành kế hoạch trồng rừng hàng năm; phân đầu năm 2022 trồng được 460 ha rừng các loại (sau giải tỏa 109 ha, sau khai thác trắng 200 ha, rừng thay thế 50 ha, trồng rừng trên đất trống 100 ha); trồng khôi phục rừng trên đất lâm nghiệp bị lấn chiếm khoảng 4.000 ha và 5,9 triệu cây xanh trên đất quy hoạch ngoài lâm nghiệp; Duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 55%.

Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng từ dựa vào mở rộng diện tích và khối lượng sang tập trung vào nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm lâm nghiệp. Phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ; lâm nghiệp đô thị, cảnh quan và các loại hình du lịch bền vững gắn với rừng (thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái). Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, thực hiện các chứng nhận, quy định liên quan để xuất khẩu tín chỉ carbon rừng..

Thực hiện có hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng để tăng nguồn lực tài chính đầu tư cho công tác QLБVR & PTR. Nghiên cứu đề xuất, tháo gỡ một số khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách trong quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản gắn với chính sách xây dựng nông thôn mới để sử dụng có hiệu quả và bền vững tài nguyên rừng.

1.4. Phát triển sơ chế, chế biến, ngành nghề nông thôn

a) Phát triển chế biến lâm sản:

Tiếp tục thu hút các doanh nghiệp đầu tư chế biến, tinh chế gỗ, viên nén, gỗ dăm vào các khu công nghiệp Lộc Sơn, Phú Hội. Phát triển các cơ sở mộc gia dụng ổn định, điều chỉnh ổn định cơ sở mộc gia dụng hiện có để đáp ứng đảm bảo nhu cầu của thị trường. Rà soát năng lực chế biến tinh chế của các doanh nghiệp, công ty TNHH MTV Lâm nghiệp để kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo thực tế sản xuất; đồng thời ban hành các cơ chế chính sách nhằm tạo nguồn nguyên liệu ổn định từ rừng trồng cho phát triển chế biến.

- Thực hiện kiểm tra, quản lý chặt chẽ các cơ sở chế biến gỗ; kiên quyết xử lý, đình chỉ hoạt động các cơ sở chế biến gỗ vi phạm các quy định của nhà nước.

b) Sơ chế, chế biến nông sản:

- Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người sản xuất, các cơ sở sản xuất kinh doanh tiến hành sơ chế, đóng gói dán nhãn trước khi tiêu thụ. Nâng cao hiệu quả của hệ thống các chợ đầu mối thu mua, sơ chế nông sản tại các vùng trọng điểm sản xuất; trước mắt ưu tiên phát triển các Trung tâm sau thu hoạch rau, quả gắn với các chuỗi liên kết sản xuất, sơ chế, tiêu thụ rau củ quả tại các vùng xuất tập trung của tỉnh.

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp sơ chế, chế

biến nông sản; ưu tiên các sản phẩm rau quả, cà chua...phát triển ngành nghề nông thôn

- Phân đầu sản lượng nông sản rau, hoa và trái cây được qua sơ chế, chế biến trước khi xuất bán đạt 70% tổng sản lượng toàn tỉnh, trong đó sản lượng qua chế biến đạt khoảng 22%.

c) Phát triển ngành nghề nông thôn

Triển khai các hoạt động tổ chức, quản lý, hướng dẫn và thực hiện có hiệu quả Nghị định 52/2018/NĐ-CP của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2021-2025; triển khai các dự án, mô hình thí điểm về phát triển ngành nghề gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

1.5. Phát triển các liên kết sản xuất, thị trường và tiêu thụ hàng hóa nông, lâm sản và thủy sản

- Tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã (HTX) và tổ hợp tác (THT) nông nghiệp; Tháo gỡ các vấn đề về thủ tục, pháp lý để triển khai hiệu quả các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể thường xuyên tổ chức đối thoại với các HTX. Phân đầu năm 2022 thành lập mới 20 Hợp tác xã, 10 Tổ hợp tác THT. Nâng cao chất lượng và số lượng HTX hoạt động hiệu quả, phân đầu số lượng HTX xếp loại hoạt động khá tốt đạt ít nhất 45%, số HTX ứng dụng công nghệ cao đạt 68 HTX; hướng dẫn các địa phương giải thể các hợp tác xã hoạt động không hiệu quả (tối thiểu 05 trường hợp đã chấm dứt hoạt động).

- Tiếp tục đẩy mạnh hỗ trợ xây dựng và phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, từ nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Đề án liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2019-2023; Phân đầu năm 2022 hình thành mới ít nhất 20 chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ, nâng tổng số chuỗi toàn tỉnh đạt khoảng 202 chuỗi với sự tham gia 20.000 hộ nông dân, quy mô liên kết trong trồng trọt đạt khoảng 32.000 ha với sản lượng trên 450 ngàn tấn; chăn nuôi đạt khoảng 900 ngàn con với sản lượng trên 150 ngàn tấn. Góp phần đạt mục tiêu có 55% tổng lượng nông sản toàn tỉnh tiêu thụ qua các hình thức hợp đồng.

Thực hiện tốt chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) kết hợp đẩy mạnh phát triển nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm gắn với hoạt động quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, tăng nhanh tỷ lệ nông sản được dán nhãn thương hiệu, nhãn hiệu trước khi đưa ra thị trường, khai thác có hiệu quả thương hiệu Đà Lạt – Kết tinh kỳ diệu từ đất lành. Phân đầu năm 2020 có thêm 24 sản phẩm OCOP cấp tỉnh và 02 sản phẩm OCOP quốc gia.

Đẩy mạnh phát triển thị trường, tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho tiêu thụ trong nước và xuất khẩu nông sản. Chủ động phối hợp với các tỉnh để điều tiết, cung ứng nông sản phù hợp với nhu cầu thị trường, xúc tiến các hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản hàng hóa có chất lượng, bảo đảm ATTP đặc biệt qua các kênh thương mại điện tử, nền tảng số.

Chủ động liên hệ với các cơ quan trung ương để tham gia đàm phán mở cửa thị trường xuất khẩu chính ngạch cho các sản phẩm hoa quả tươi, rau; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin chính sách thị trường xuất khẩu.

2. Xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn: phần đầu năm 2022, GRDP bình quân đầu người đạt 71,5-73 triệu đồng, chỉ tiêu giảm nghèo giảm 1%, riêng vùng đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 2%.

- Đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới theo quy định tại Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh; làm tiền đề xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trong năm 2022 và các năm tiếp theo

- Đối với các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022: Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để hoàn thiện các tiêu chí khác một cách thực chất; Thực hiện rà soát, lập hồ sơ đề nghị đạt chuẩn đảm bảo quy định để được tỉnh công nhận đạt chuẩn sớm trong năm 2022.

- Đối với các xã chưa đủ điều kiện đăng ký đạt chuẩn: Đẩy mạnh các giải pháp thực hiện đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất để hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới, phần đầu trong năm 2022 mỗi xã hoàn thành thêm ít nhất 02 tiêu chí trở lên.

- Hoàn thiện hồ sơ và chuẩn bị các điều kiện phục vụ công tác khảo sát, thẩm định công nhận đạt chuẩn đối với huyện Cát Tiên, Lâm Hà và Đạ Huoai, Bảo Lâm của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu, đề xuất ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 phù hợp với điều kiện đặc thù của tỉnh. Thực hiện các đề án đặc thù phục vụ Chương trình nông thôn mới khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (*Đề án chuyển đổi số, môi trường, du lịch nông thôn, an ninh trật tự xã hội; Chương trình KHCN, OCOP...*)

3. Phát triển hạ tầng, nâng cao năng lực phòng chống và giảm nhẹ thiên tai; bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

- Phần đầu tăng tỷ lệ diện tích gieo trồng được tưới năm 2022 đạt 67%; trong đó diện tích canh tác được tưới từ công trình thủy lợi khoảng 47.500 ha tăng khoảng 1.300 ha so với 2021; diện tích được tưới tiết kiệm đạt 46.000 ha tăng 1.700 ha; Tỷ lệ dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh là 92% tương ứng khoảng 186.800 hộ dân; trong đó có 37,5% đạt tiêu chuẩn nước sạch theo quy định của Bộ Y tế.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình nâng cấp đảm bảo an toàn

hồ chứa (WB8), Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, các công trình trọng điểm (Kênh Đa Lây và Đa Sĩ, Ta Hoét, Đông Thanh, Ka Zam, Hiệp Thuận), Chương trình Đề án nâng cao năng lực quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đến năm 2025, dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu vay vốn OCR của ADB và các dự án được bố trí kế hoạch vốn năm 2022...

- Cơ cấu lại mô hình quản lý, khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Tiếp tục thực hiện dự án WB21, các nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn để xây dựng, sửa chữa các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, mở rộng đầu nối từ các công trình cấp nước bền vững (nhà máy cấp nước đô thị để cấp nước cho vùng nông thôn).

- Thực hiện tốt công tác chống hạn, phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn trong mùa mưa lũ ở các địa phương, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, đặc biệt là công tác thông tin cảnh báo và dự báo kịp thời. Xây dựng các phương án ứng phó với tình huống thời tiết xấu nhất có thể xảy ra, nhất là vùng ven sông, suối lớn, để chủ động đối phó khi xảy ra thiên tai, lũ lụt.

- Tiếp tục triển khai đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất để hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đối với các cây trồng chủ lực của tỉnh.

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ODA và đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn để nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất tại nông thôn.

4. Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, ngoài các tiêu chuẩn trong nước (TCVN), ưu tiên đẩy mạnh phát triển sản xuất theo các tiêu chuẩn quốc tế như GlobalGAP, HACCP đặc biệt là đáp ứng các quy định SPS của thị trường EU để hưởng các ưu đãi của Hiệp định EVFTA.

- Triển khai các biện pháp tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ áp dụng các biện pháp canh tác bền vững, hỗ trợ chứng nhận sản xuất an toàn theo các tiêu chuẩn GAP. Phần đầu diện tích sản xuất được chứng nhận an toàn đạt 7.500 ha với sản lượng đạt khoảng 456,5 ngàn tấn; Diện tích sản xuất được quản lý sản xuất an toàn bền vững đạt khoảng 88.000 ha với sản lượng đạt khoảng 300.000 ngàn tấn.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm, kinh doanh vật tư nông nghiệp; giảm thiểu tồn dư hóa chất, kháng sinh trong sản xuất kinh doanh nông sản thực phẩm. Rà soát chức năng, nhiệm vụ và năng lực của các đơn vị quản lý nhà nước thuộc ngành và thực hiện phân công, phân cấp phù hợp, nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra vật tư nông nghiệp, chất lượng nông sản

- Tăng cường công tác phối hợp với các địa phương, đầu mối tiêu thụ sản

phẩm để quản lý chất lượng sản phẩm và thực hiện truy xuất nguồn gốc khi phát hiện các lô sản phẩm mất an toàn.

5. Cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của ngành

Tiếp tục tổ chức sắp xếp lại cơ cấu, số lượng các phòng, đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT theo quy định tại Nghị định số 107/2020/NĐ-CP theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, hiệu quả hoạt động cao. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc theo hướng chuyển từ tự chủ, tự chịu trách nhiệm một phần về tài chính đến tự chủ hoàn toàn thông qua việc đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ. Rà soát, đánh giá và nâng cao hiệu quả việc thực hiện dịch vụ sự nghiệp công hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Đào tạo nguồn nhân lực cho cán bộ trong ngành nông nghiệp về chuyên môn, kỹ thuật, kỹ năng quản lý, hội nhập quốc tế, năng lực kiểm tra, phân tích, dự báo, lập kế hoạch sản xuất để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay.

Nâng cao tỷ lệ, mức độ áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và thực hiện các thủ tục hành chính, dịch vụ công thuộc ngành. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ công chức, hỗ trợ, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc của người dân và doanh nghiệp trong quá trình hoạt động.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao, đề nghị các địa phương, đơn vị quan tâm quán triệt, triển khai thực hiện ngay từ đầu năm, đồng thời giao các cơ quan chuyên môn cụ thể hóa thành các kế hoạch theo từng lĩnh vực làm cơ sở để theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo; Nâng cao tinh thần phối hợp trong công tác nhằm nâng cao hiệu quả, tiến độ thực hiện nhiệm vụ; Quan tâm lồng ghép các nguồn vốn có liên quan để thực hiện các chương trình, đề án, dự án trọng tâm của ngành; Nghiêm chỉnh chấp hành chế độ báo cáo định kỳ, đánh giá các khó khăn vướng mắc còn tồn tại để có biện pháp tháo gỡ, xử lý kịp thời, phấn đấu hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao cho ngành trong năm 2022./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Bộ Nông Nghiệp & PTNT;
- HĐND, UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VT, KH (DY).

Nguyễn Văn Sơn